

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 625/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 499/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018, số: 519/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 401/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Thị T**, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 75 đường số 2, khu phố 4, phường TT A, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm: 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B4/4D khu phố 2, thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn là bà Lý Thị T bày như sau:

Bà T và ông Trần Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông T1 thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường hay gây gổ, đánh đập vợ con. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T1, vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Trần Thanh T2, sinh ngày 22/10/2005 (Giới tính: Nam). Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lý Thị T tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lý Thị T tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lý Thị T vắng mặt và nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn – ông Trần Thanh T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt tại nơi cư trú của ông Trần Thanh T1, địa chỉ: B4/4D khu phố 2, thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Trần Thanh T1 vắng mặt không lý do.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Trần Thanh T2 thì trẻ trình bày như sau:

Ông Trần Thanh T1 là cha và bà Lý Thị T là mẹ của trẻ T2. Hiện tại trẻ T2 đang sống cùng mẹ. trẻ Trần Thanh T2 đang học lớp 7, trường Trung học cơ sở thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Trẻ T2 không có anh chị em nào khác, trẻ T2 thích sống với mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lý Thị T. Giao cho bà Lý Thị T trực tiếp nuôi trẻ Trần Thanh T2, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Thanh T1.

Về án phí: Bà Lý Thị T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Lý Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T1. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[1.2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn TT: “Ông Trần Thanh T1, sinh năm: 1980, hộ khẩu thường trú: B4/4D khu phố 2, thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh, thực tế còn cư trú, sinh sống ở địa chỉ thường trú trên.”. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP

ngày 05/05/2017 và theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bà Lý Thị T vắng mặt tại phiên tòa và nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà T. Riêng ông Trần Thanh T1 vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử (xét xử đến lần thứ hai), căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định là vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Nguyên đơn - bà Lý Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Trần Thanh T1 ; Về con chung: bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T2, bà T không yêu cầu bị đơn – ông Trần Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con ; Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác nhận không có.

[2.2] Bị đơn – ông Trần Thanh T1 vắng mặt không đến Tòa án trình bày cũng như không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lý Thị T đối với ông Trần Thanh T1. Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T2, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1. Bà Lý Thị T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3]. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T và ông Trần Thanh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2006 ngày 23/03/2006). Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, sống ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 01 (Một) con chung tên là Trần Thanh T2, sinh ngày 22/10/2005 (Giới tính: Nam). Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại trẻ T2 đang sống với nguyên đơn, trẻ T2 được nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đến trường học hành đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Thanh T1.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận không có và theo đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có và theo đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 56, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, 98, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị T và ông Trần Thanh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lý Thị T và ông Trần Thanh T1 (đăng ký ngày 23/03/2006) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung:

Bà Lý Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Trần Thanh T2, sinh ngày: 22/10/2005 (Giới tính: Nam).

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Thanh T1.

Ông Trần Thanh T1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung: Bà Lý Thị T xác nhận không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Lý Thị T xác nhận không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Bà Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005064 ngày 22/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Bà Lý Thị T, ông Trần Thanh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS có thẩm quyền;
- UBND xã thị trấn TT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi